

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN KRÔNG PẮC, KHÓA HỌC 2023-2025
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

Thi phần D.II: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 23/8/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm thi: Trung tâm Chính trị huyện Krông Pắc

SBD	Họ Và Tên	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Đậu Thị Hoài	Ân	01/6/1984	02	<i>Hoài</i>	47	80	<i>Tam</i>
02	Lê Thị Hoài	Anh	20/5/1986	02	<i>Banh</i>	71	75	<i>Bảy, năm</i>
03	Trần Thị	Anh	08/8/1984	02	<i>Phan</i>	20	80	<i>Tam</i>
04	Trịnh Ngọc	Anh	23/6/1980	02	<i>Anh</i>	33	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
05	Võ Thị	Bảy	15/9/1976	02	<i>Hoài</i>	44	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
06	H' Sâm	Buôn Knul	19/10/1988	(Nghỉ học theo QĐ số 554a/QĐ-TCT ngày 04/8/2023)				
07	Hồ Sỹ	Chín	28/5/1979	02	<i>Chín</i>	69	75	<i>Bảy, năm</i>
08	Khuong Thị	Chung	02/01/1981	02	<i>Chung</i>	35	725	<i>Bảy, bảy năm</i>
09	Nguyễn Kiều	Diễm	20/10/1988	03	<i>Diễm</i>	42	80	<i>Tam</i>
10	Phan Thị Kiều	Diễm	12/6/1980	02	<i>Phan</i>	39	75	<i>Bảy, năm</i>
11	Nguyễn Thị	Diệu	21/3/1987	02	<i>Diệu</i>	26	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
12	Trần Minh	Đức	04/6/1983	02	<i>Đức</i>	29	80	<i>Tam</i>
13	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/01/1990	02	<i>Thùy</i>	19	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
14	Nguyễn Hữu	Dũng	05/5/1987	02	<i>Huỳnh</i>	61	75	<i>Bảy, năm</i>
15	Trần Văn	Dũng	11/4/1983	02	<i>Trần</i>	22	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
16	Châu Thị Mỹ	Duyên	09/11/1986	02	<i>Mỹ</i>	6	75	<i>Bảy, năm</i>
17	Tường Thị	Hà	04/11/1981	02	<i>Tường</i>	9	75	<i>Bảy, năm</i>
18	Đinh Thị	Hải	29/5/1981	02	<i>Đinh</i>	12	75	<i>Bảy, năm</i>
19	Phan Ngọc	Hải	20/11/1981	02	<i>Phan</i>	62	775	<i>Bảy, bảy năm</i>

SBD	Họ Và Tên	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
20	Đinh Thị	Hằng	28/8/1989	02	<i>[Signature]</i>	36	80	Tam
21	Đinh Thúy	Hằng	20/9/1984	02	<i>[Signature]</i>	52	85	Tam, 1 năm
22	Hoàng Thị	Hạnh	10/9/1974	02	<i>[Signature]</i>	50	75	Bay, 1 năm
23	Nguyễn Thị	Hiền	23/8/1989	02	<i>[Signature]</i>	10	80	Tam
24	Nghiêm Thị	Hoa	30/11/1971	02	<i>[Signature]</i>	68	785	Bay, học năm
25	Phạm Thị	Hoa	09/12/1975	03	<i>[Signature]</i>	45	80	Tam
26	Phan Thị Thanh	Hoa	03/8/1979	03	<i>[Signature]</i>	27	85	Tam, 1 năm
27	Đinh Thị Phương	Hồng	18/11/1977	02	<i>[Signature]</i>	77	785	Bay, bay năm
28	Nguyễn Thị	Hồng	10/12/1981	02	<i>[Signature]</i>	16	75	Bay, 1 năm
29	Nguyễn Cảnh	Hùng	08/10/1979	02	<i>[Signature]</i>	40	75	Bay, 1 năm
30	Thái Văn	Hưng	19/5/1977	02	<i>[Signature]</i>	24	785	Bay, học năm
31	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/10/1971	02	<i>[Signature]</i>	41	75	Bay, 1 năm
32	Trần Thị	Hương	20/4/1984	02	<i>[Signature]</i>	72	75	Bay, 1 năm
33	Nguyễn Thành	Lập	16/3/1978	02	<i>[Signature]</i>	66	75	Bay, 1 năm
34	Bùi Thị Kim	Liên	20/01/1982	02	<i>[Signature]</i>	74	785	Bay, bay năm
35	Trần Thị Châu	Loan	12/10/1985	03	<i>[Signature]</i>	70	80	Tam
36	Võ Thị Cửu	Long	15/10/1987	02	<i>[Signature]</i>	37	75	Bay, 1 năm
37	Hồ Thị	Luyện	24/4/1987	02	<i>[Signature]</i>	30	785	Bay, bay năm
38	Nguyễn Thị	Lý	25/02/1972	02	<i>[Signature]</i>	1	75	Bay, 1 năm
39	Trần Thị Thanh	Mai	05/9/1978	02	<i>[Signature]</i>	73	75	Bay, 1 năm
40	Hồ Viết	Mạnh	22/7/1982	02	<i>[Signature]</i>	21	85	Tam, 1 năm
41	Hồ Văn	Minh	14/01/1988	02	<i>[Signature]</i>	11	75	Bay, 1 năm
42	Lại Thị	Mỹ	05/12/1984	02	<i>[Signature]</i>	7	785	Bay, bay năm
43	Mai Thị	Nga	07/3/1979	02	<i>[Signature]</i>	64	75	Bay, 1 năm
44	Võ Thị Thanh	Nga	27/12/1988	02	<i>[Signature]</i>	25	85	Tam, 1 năm
45	Hồ Văn	Ngọc	15/11/1988	02	<i>[Signature]</i>	53	75	Bay, 1 năm

SBD	Họ Và Tên	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
46	Nguyễn Thị	Nguyệt	08/01/1972	02	<i>Huy</i>	8	775	<i>bay, bay năm</i>
47	Nguyễn Thị	Nhật	08/10/1980	02	<i>Thal</i>	79	75	<i>bay, năm</i>
48	Lê Văn	Phúc	24/6/1966	02	<i>Hai</i>	23	75	<i>bay, năm</i>
49	Nguyễn Văn	Phương	06/6/1982	02	<i>Phan</i>	13	785	<i>bay, hai năm</i>
50	Phan Tiến	Quân	04/09/1977	02	<i>Phan</i>	49	775	<i>bay, bay năm</i>
51	Dương Văn	Quang	10/8/1982	02	<i>Vu</i>	34	80	<i>Tam</i>
52	Lương Anh	Quang	13/11/1985	02	<i>Phan</i>	65	775	<i>bay, bay năm</i>
53	Trần Thọ	Quang	12/02/1982	02	<i>Chu</i>	55	825	<i>Tam, hai năm</i>
54	Đoàn	Sang	12/3/1987	02	<i>Vu</i>	57	75	<i>bay, năm</i>
55	Nguyễn Thị	Sen	18/3/1971	02	<i>Phan</i>	58	70	<i>bay</i>
56	Đặng Văn	Sơn	23/6/1986	02	<i>Son</i>	60	75	<i>bay, năm</i>
57	Nguyễn	Sơn	12/7/1982	02	<i>Phan</i>	17	75	<i>bay, năm</i>
58	Nguyễn Hữu	Sỹ	20/02/1981	02	<i>Phan</i>	54	75	<i>bay, năm</i>
59	Bùi Thị	Thắm	22/10/1973	(Nghỉ học theo QĐ số 762/QĐ-TCT ngày 14/11/2023)				
60	Hồ Thị Hoài	Thắng	03/11/1982	01	<i>Phan</i>	18	70	<i>bay</i>
61	Nguyễn Thị Minh	Thanh	27/7/1981	03	<i>Thi Thanh</i>	3	825	<i>Tam, hai năm</i>
62	Đoàn Thị	Thảo	23/6/1985	02	<i>Phan</i>	2	75	<i>bay, năm</i>
63	Huỳnh Thị Thu	Thảo	01/02/1979	03	<i>Phan</i>	43	775	<i>bay, bay năm</i>
64	Nguyễn Cao	Thế	18/10/1973	02	<i>Phan</i>	31	75	<i>bay, năm</i>
65	Nguyễn Thị	Thoa	16/3/1986	02	<i>Phan</i>	15	775	<i>bay, bay năm</i>
66	Luân Thị	Thời	17/6/1986	02	<i>Phan</i>	14	775	<i>bay, bay năm</i>
67	Nguyễn Xuân	Thức	13/11/1981	02	<i>Phan</i>	46	775	<i>bay, bay năm</i>
68	Nguyễn Khánh Minh	Thương	15/02/1982	02	<i>Phan</i>	32	80	<i>Tam</i>
69	Phạm Thị	Thường	30/10/1985	02	<i>Phan</i>	38	75	<i>bay, năm</i>
70	Võ Thị Thanh	Thúy	02/12/1988	02	<i>Phan</i>	28	775	<i>bay, bay năm</i>
71	Phạm Thị Bích	Thủy	13/6/1987	02	<i>Phan</i>	75	75	<i>bay, năm</i>

SBD	Họ Và Tên	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
72	Phan Thị Thu	Thủy	26/6/1977	02	<i>Thủy</i>	67	75	<i>Đạt 1 năm</i>
73	Nguyễn Đức	Trường	26/3/1981	02	<i>Đức</i>	5	75	<i>Đạt 1 năm</i>
74	Đặng Minh	Tú	18/5/1987	02	<i>Minh</i>	56	75	<i>Đạt 1 năm</i>
75	Lê Đức	Tư	13/10/1982	02	<i>Đức</i>	59	725	<i>Đạt hai năm</i>
76	Lê Thị	Tứ	20/6/1975	02	<i>Thị</i>	4	775	<i>Đạt bảy năm</i>
77	Phạm Anh	Tuấn	27/02/1981	02	<i>Anh</i>	63	725	<i>Đạt hai năm</i>
78	Phan Khắc	Tùng	20/12/1987	02	<i>Khắc</i>	51	75	<i>Đạt 1 năm</i>
79	Nguyễn Thị	Tuyết	03/3/1978	02	<i>Thị</i>	76	75	<i>Đạt 1 năm</i>
80	Nguyễn Thị Hải	Vân	08/7/1990	02	<i>Hải</i>	48	80	<i>Tám</i>
81	Trần Công	Sang	05/10/1984	02	<i>Trần</i>	78	725	<i>Đạt hai năm</i>

Tổng số học viên theo danh sách: 81 học viên;

Số học viên đủ điều kiện thi: 79 học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi: 02 học viên (lý do: Nghe học.....)

Số học viên vắng thi: 02 học viên; trong đó: có lý do: 02 học viên; không có lý do: học viên;

Số bài thi hiện có: 79 bài/ 162 tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Mai
Đoàn Thị Mai

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Ngày: 30 tháng 8 năm 2024

Phạm Văn Dũng
Phạm Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

Lê Thị Đạt
Lê Thị Đạt



Nguyễn Thành Dũng

CÁN BỘ COI THI 02

Nguyễn Tiến Huy
Nguyễn Tiến Huy

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày: 30 tháng 8 năm 2024

Mai
Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

TS. Lê Duyên Hà
TS. Lê Duyên Hà

